TAND HUYỆN BÌNH SƠN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **03**/2017/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 26 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Y, sinh năm 1994;

Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990;

Đều có nơi cư trú: xóm C, thôn T, xã K, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào các Điều 48, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Y và anh Đặng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Y và anh Đặng Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Chị Y và anh T xác định trong thời gian chung sống, giữa anh chị có một con chung tên là Đặng Thị Yến N, sinh ngày 13/02/2013, hiện nay chị Y đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng là **700.000 đồng/tháng** *(bảy trăm nghìn đồng/tháng)*, chị Cao Thị Y là người đại diện cho con chung chưa thành niên nhận

tiền cấp dưỡng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 10/10/21017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có lý do chính đáng, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì các cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật HN&GĐ năm 2014 và pháp luật

2.3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có.

2.4. Án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng);*

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng: 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng);*

Tổng cộng **300.000 đồng** *(ba trăm nghìn đồng)*, chị Cao Thị Y tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002338, ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình, chị đã nộp xong.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND; Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung